

2. Ông Nguyễn Như D, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị Kim T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Phạm Thị V cho ông Nguyễn Thiên L vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau: Ngày 13/6/2019 vay 100.000.000 đồng; Ngày 13/9/2019 vay 200.000.000 đồng. Tổng cộng ông L vay 300.000.000 đồng.

Ông L viết giấy vay tiền cho bà V và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/ tháng; Về thời hạn trả thì đối với giấy vay ngày 13/6/2019 ghi việc đất đai nhà cửa xong ông L sẽ hoàn trả, còn khoản vay ngày 13/9/2019 thì hẹn trả vào ngày 13/02/2020 Âm lịch. Nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà V cần lấy tiền thì sẽ thông báo trước cho ông L 5 ngày để thu xếp trả cho bà V; Vay không thế chấp tài sản gì; Mục đích vay tiền ông L nói để giải quyết việc riêng còn thực tế ông L vay tiền làm gì thì bà V không biết.

Từ khi vay đến nay ông L chưa trả cho bà V được số tiền gốc cũng như lãi nào, việc bà Nguyễn Hoàng Như L trình bày khoản tiền 200.000.000 đồng ông L viết giấy vay ngày 13/9/2019 xuất phát từ khoản vay ngày 12/12/2018 trong đó có 100.000.000 đồng ông L vay giùm cho bà L, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1.500 đồng/1 triệu/ngày; ông L, bà L đã đóng lãi cho bà V 13.000.000 đồng/1 tháng đến hết tháng 9/2019 và đến ngày 13/9/2019 ông L viết lại giấy vay tiền cho bà V, là hoàn toàn không đúng vì ngoài việc cho ông L vay thì bà V cũng cho bà Nguyễn Hoàng Như L vay tiền nhưng bà L cũng không trả nên bà V đã khởi kiện bà L bằng 1 vụ kiện vay tài sản riêng đang được Tòa án thụ lý giải quyết nên ý kiến của bà L nói là sẽ có trách nhiệm trả cho bà V 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 13/9/2019 thì bà V không đồng ý. Đến nay khoản tiền ông L vay bà V đã quá hạn nhưng ông L không trả mặc dù bà V đã liên lạc đòi nhiều lần.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông L phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do hoàn cảnh của ông L khó khăn nên về phần tiền lãi suất thì phía bà V chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày khởi kiện (ngày 27/7/2020) với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra bà V không yêu cầu gì khác.

Bà V xác định khoản tiền bà V cho ông L vay nói trên không liên quan đến chồng cũ của bà là ông Nguyễn Như D mặc dù tại thời điểm bà cho ông L vay thì bà và ông D vẫn là vợ chồng hợp pháp (đã ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 284/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 02/7/2020) hơn nữa ông D cũng đã có lời khai tại Tòa án và xác định không liên quan gì đến khoản tiền này.

Tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Thiên L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Hoàng Như L

trình bày:

Bà L xác định do có quan hệ là bạn bè với bà V nên vào ngày 12/12/2018 ông L có vay của bà V số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó, ông L chỉ sử dụng 100.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng là vay giùm cho bà L nhưng giấy vay tiền do ông L ký với bà V, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1.500 đồng/1 triệu/1 ngày và ông L, bà L đã trả lãi cho bà V 13.000.000 đồng/tháng đến hết tháng 9/2019. Do không trả được nợ gốc nên ngày 13/9/2019 ông L viết lại giấy mượn tiền và hẹn trả nợ vào ngày 13/02/2020 Âm lịch và ngoài ra ngày 13/6/2019 ông L có vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng; Mục đích vay tiền để giải quyết việc riêng; vay không thế chấp tài sản gì. Sau khi vay tiền thì ông L và bà L đã trả lãi cho bà V đến hết tháng 9/2019 thì không có khả năng trả vì làm ăn thua lỗ. Nay bà V khởi kiện ông L thì phía ông L đồng ý trả cho bà V 200.000.000 đồng tiền gốc còn 100.000.000 đồng thì bà L có trách nhiệm trả cho bà V, về lãi suất thì yêu cầu tính lãi suất theo Ngân hàng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Như D trình bày:

Ông D và bà Phạm Thị V trước đây là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay ông D và bà V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 284/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 02/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng bà V cho ông Nguyễn Thiên L vay, trong đó 100.000.000 đồng vay ngày 13/6/2019 và 200.000.000 đồng vay ngày 13/9/2019 mà bà Phạm Thị V khởi kiện ra Tòa án buộc ông L trả thì ông D xác định ông D không liên quan gì đến khoản tiền này vì đây là tiền bà V tự đi mượn của người khác để cho ông L vay. Vì vậy, ông D không liên quan và xin từ chối tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thiên L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Như L; ông Nguyễn Như D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thiên L, bà Nguyễn Hoàng Như L, ông Nguyễn Như D là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân

sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Phạm Thị V cho ông Nguyễn Thiên L vay nhiều lần tiền cụ thể: Ngày 13/6/2019 vay 100.000.000 đồng hẹn khi việc đất đai nhà cửa xong sẽ hoàn trả và ngày 13/9/2019 vay 200.000.000 đồng hẹn trả ngày 13/02/2020 âm lịch. Tổng cộng 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Khi vay hai bên có lập giấy vay, mượn tiền và ông L đã ký xác nhận. Về thời hạn vay: Đối với khoản vay ngày 13/6/2019 ghi việc đất đai nhà cửa xong ông L sẽ hoàn trả, còn khoản vay ngày 13/9/2019 thì hẹn trả vào ngày 13/02/2020 Âm lịch. Nhưng nguyên đơn xác định thực tế hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà V cần lấy tiền thì sẽ thông báo trước cho ông L 05 ngày sẽ hoàn trả. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Nguyễn Hoàng Như L xác định ông L là người trực tiếp vay và ký giấy vay mượn tiền như phía nguyên đơn xuất trình; Mục đích vay tiền để giải quyết công việc riêng của ông L. Nguyên đơn xác định sau khi vay ông L chưa trả nợ gốc, lãi còn phía bị đơn thừa nhận chưa trả tiền gốc nên nguyên đơn bà Phạm Thị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Thiên L phải trả cho bà V số tiền là 300.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất:

Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy vay tiền do các bên xác lập không thể hiện vay có lãi. Tuy nhiên, phía nguyên đơn trình bày, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/01 tháng và bị đơn chưa trả được số tiền lãi nào từ khi vay, còn phía bị đơn thừa nhận vay có lãi và xác định lãi suất thỏa thuận miệng 1.500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày và đã trả lãi đến hết tháng 9/2019 nhưng bị đơn cũng không đưa ra được căn cứ cho việc đã trả lãi nên ý kiến của bị đơn là không thể chấp nhận được.

Như vậy, các bên đều thừa nhận việc vay tiền là có thỏa thuận lãi suất và việc các bên thỏa thuận lãi suất là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, việc các bên thỏa thuận mức lãi suất là cao so với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Thiên L phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 27/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Do đó, mức lãi suất cụ thể như sau: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 11 ngày = 28.416.666 đồng (làm tròn 28.417.000 đồng)

[3.3] Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Như L cho rằng khoản tiền 200.000.000 đồng vay ngày 13/9/2019 xuất phát từ khoản tiền ông L vay bà V trước đó là vào ngày 12/12/2018 nhưng do ông L làm ăn thua lỗ không trả được nợ gốc nên đến ngày 13/9/2019 ông L viết lại giấy vay cho bà V, trong đó ông L chỉ sử dụng số tiền 100.000.000 đồng còn lại là ông L vay cho bà L nên nay ông L

chỉ có trách nhiệm trả cho bà V 200.000.000 đồng tiền gốc bao gồm 100.000.000 đồng vay ngày 13/6/2019 và 100.000.000 đồng ngày 13/9/2019 còn bà L sẽ chịu trách nhiệm trả cho bà V 100.000.000 đồng tiền nợ gốc của khoản vay 200.000.000 đồng ngày 13/9/2019. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Thiên L và bà Nguyễn Hoàng Như L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thiên L phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị V số tiền 328.417.000 đồng (Trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 28.417.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.420.850 đồng (theo mức 328.417.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

Buộc ông Nguyễn Thiên L phải trả cho bà Phạm Thị V số tiền: 328.417.000 đồng (Trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 28.417.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thiên L phải chịu 16.420.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Phạm Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0012692, ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh;
- VKSND Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Trúc